

Số: 2514/BT-TT-KHTC

V/v hướng dẫn chuẩn bị triển khai CTMT
về CNTT giai đoạn 2016 - 2020

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2016

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trong thời gian qua, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao, Bộ Thông tin và Truyền thông (TTTT) đã xây dựng, đề xuất Chương trình mục tiêu về Công nghệ thông tin giai đoạn 2016 - 2020 (Chương trình). Chương trình đã được thông qua về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28/8/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 5 năm 2016 - 2020, hiện nay đang trình Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình.

Để đảm bảo tiến độ triển khai Chương trình theo quy định của Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 và đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt quyết định đầu tư các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020 theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 08/7/2016 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2016, Bộ TTTT đang khẩn trương chuẩn bị, xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đầu tư Chương trình theo đúng các quy định hiện hành. Đồng thời, để đảm bảo có đầy đủ các thông tin phục vụ quá trình xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt ngay khi có đủ điều kiện, Bộ TTTT đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các nội dung sau:

1. Căn cứ vào mục tiêu tổng quát, các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể của Chương trình (theo hướng dẫn tại Phụ lục số 1) đề xuất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình tại Bộ, ngành, địa phương mình (theo Đề cương hướng dẫn tại Phụ lục số 2 và Phụ lục số 3) và gửi 08 bản về Bộ TTTT **trước ngày 05 tháng 8 năm 2016** để tổng hợp; đồng thời gửi file Báo cáo đề xuất về hộp thư: ctmtcntt_khtc@mic.gov.vn;

(Sau thời hạn nêu trên nếu Quý cơ quan không gửi văn bản đăng ký thì được hiểu là không có nhu cầu tham gia thực hiện Chương trình).

2. Sau khi Chương trình được phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền và có hướng dẫn của Bộ TTTT thì các Bộ, ngành, địa phương mới tiến hành các thủ tục đầu tư tiếp theo quy định của pháp luật. Đồng thời, để đảm bảo các dự án đầu tư thuộc Chương trình của các Bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện các mục tiêu cụ thể của Chương trình đã được trình Chính phủ phê duyệt, đề nghị Quý cơ quan phối hợp chặt chẽ với Bộ TTTT trong việc rà soát, lựa chọn và sắp xếp thứ tự ưu tiên các nội dung đầu tư phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và lộ trình kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin Chính phủ điện tử trước khi phê duyệt các dự án đầu tư.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị Quý cơ quan phản ánh về Bộ TTTT (Vụ Kế hoạch - Tài chính) để phối hợp hướng dẫn. (Thông tin liên hệ: Đ/c Đàm Viết Hùng, ĐT: 043.8263578; Đ/c Nguyễn Hoàng, ĐT: 043.9436708; Đ/c Nguyễn Huy Hùng, ĐT 043.8226737).

Bộ TTTT rất mong nhận được sự hợp tác của Quý cơ quan./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Vụ CNTT;
- Các Cục: THH, ATTT;
- Các trung tâm: VNCERT, NEAC;
- Lưu: VT, KHTC(10).

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thành Hưng

Phụ lục số 1:
HƯỚNG DẪN
ĐỀ XUẤT THAM GIA THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU VỀ
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm Công văn số *254*/BT-TT-KHTC ngày *25* tháng 7 năm 2016 của Bộ TT-TT)

I. TÓM TẮT NỘI DUNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH (DỰ KIẾN) CỦA
BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Mục tiêu đầu tư

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, xây dựng chính phủ điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến từ Trung ương đến địa phương; nâng cao năng lực đảm bảo an toàn thông tin quốc gia và xác thực điện tử; phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin thông qua việc phát triển các khu công nghệ thông tin trọng điểm và các sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm

1.2. Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu đến năm 2020 đạt:

a) Đối với lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin

- 100% các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP), kết nối với NGSP.

- Đáp ứng kết nối trên 50% các hệ thống thông tin của các Bộ, ngành, địa phương có nhu cầu thì được kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu quốc gia.

- 30% hồ sơ thủ tục hành chính của các địa phương được xử lý trực tuyến tại mức độ 4.

- Trên 50% hồ sơ thủ tục hành chính cần trao đổi giữa các bộ phận một cửa liên thông được trao đổi qua môi trường mạng (căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg).

- Hoàn thành xây dựng hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương (NGSP) để kết nối các hệ thống dịch vụ của các Bộ, ngành, địa phương đã sẵn sàng.

b) Đối với lĩnh vực an toàn thông tin:

- Trên 80% hệ thống thông tin từ cấp độ 3 trở lên của các địa phương được áp dụng phương án bảo đảm an toàn thông tin phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Đến năm 2020 đưa Việt Nam ra khỏi danh sách 20 quốc gia có tỷ lệ lây nhiễm phần mềm độc hại cao nhất trên thế giới theo xếp hạng của các tổ chức quốc tế.

- 100% dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 có giải pháp xác thực điện tử tập trung.

- Tối thiểu 50% cổng thông tin điện tử của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được giám sát an toàn thông tin mạng, trong đó ưu tiên cho các tỉnh ở địa bàn khó khăn, chưa tự cân đối được ngân sách.

c) Đối với lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin, Chương trình hỗ trợ thực hiện:

- Hỗ trợ xây dựng ít nhất 07 khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung.

- Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển đối với: ít nhất 03 sản phẩm phần cứng điện tử thuộc lĩnh vực vi mạch, chip bán dẫn; ít nhất 06 sản phẩm nền tảng dùng trong cơ quan nhà nước và xã hội; ít nhất 01 sản phẩm nội dung số phục vụ cơ quan nhà nước.

2. Phạm vi đầu tư

Các Bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ đầu tư của Chương trình, trong đó ưu tiên các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách.

3. Nguồn vốn đầu tư:

Theo dự kiến hiện nay thì vốn đầu tư của NSNN bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương. Do vốn đầu tư của ngân sách trung ương chỉ đáp ứng một phần nhu cầu nên các địa phương cần phải bổ sung vốn cho dự án do địa phương thực hiện để đảm bảo quy mô theo quy định.

4. Đối tượng hỗ trợ:

- Các dự án hệ thống thông tin quốc gia, các cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDL), các CSDL chuyên ngành, và các hệ thống kết nối thông tin trực tuyến thuộc nền tảng Chính phủ điện tử.

- Các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương đáp ứng yêu cầu về khung kiến trúc Chính phủ điện tử; đảm bảo kết nối liên thông giữa các hệ thống thông tin của địa phương với các hệ thống thông tin, CSDL quốc gia.

- Các dự án hạ tầng và giải pháp công nghệ đảm bảo an toàn thông tin tập trung đối với các hệ thống thông tin, CSDL và mạng máy tính của các cơ quan nhà nước trong đó ưu tiên đầu tư các dự án xây dựng và thiết lập các hệ thống bảo đảm an toàn thông tin tập trung để bảo vệ cơ sở hạ tầng thông tin quan trọng, bảo

vệ mạng Internet Việt Nam; các hệ thống nền tảng bảo đảm an toàn trong giao dịch điện tử để thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT, thương mại điện tử.

- Các dự án hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cơ bản các Khu công nghệ thông tin tập trung, phát triển các sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm, sản phẩm an toàn thông tin và các sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ các hệ thống thông tin quốc gia theo mục tiêu cụ thể tại Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

II. HƯỚNG DẪN LẬP ĐỀ XUẤT DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

1. Căn cứ đề xuất

a) Các quy định, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương

Khi đề xuất mục tiêu, nội dung thực hiện Chương trình, các đơn vị cần căn cứ vào các quy định, hướng dẫn sau:

- Chủ trương đầu tư Chương trình (nêu tại phần I ở trên);
- Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư công của Chính phủ;
- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;
- Nghị định số 102/2009/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Nghị định 154/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về khu công nghệ thông tin tập trung;
- Quyết định số 2407/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025;
- Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;
- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;
- Quyết định số 1290/QĐ-TTg ngày 01/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch hành động phát triển ngành công nghiệp điện tử thực hiện chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam – Nhật Bản hướng đến năm 2020, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2016-2020;

- Công văn số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ TTTT ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Phiên bản 1.0;

- Các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Hiện trạng và nhu cầu về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

b) Căn cứ các quy định của địa phương

(Căn cứ các quy hoạch, kế hoạch phát triển, chủ trương đầu tư,... do Bộ, ngành, địa phương ban hành)

2. Yêu cầu và nội dung ưu tiên đầu tư thực hiện các mục tiêu cụ thể của Chương trình

2.1. Yêu cầu chung về lựa chọn, đề xuất mục tiêu, nội dung đầu tư

Dự án đề xuất đầu tư thực hiện Chương trình cần nêu rõ mục tiêu, đối tượng, số lượng sản phẩm CNTT trọng điểm cần hỗ trợ, lộ trình và phương thức tổ chức thực hiện; Cụ thể:

a) Đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, phạm vi của Chương trình;

b) Phù hợp với các quyết định, hướng dẫn của cơ quan Trung ương về CNTT;

c) Mỗi mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể khi đề xuất chủ trương đầu tư phải xác định, lượng hóa rõ kết quả đạt được;

d) Làm rõ khả năng và việc tận dụng tối đa cơ sở vật chất đã được đầu tư trước đó, không đầu tư chồng chéo, trùng lắp;

đ) Đầu tư tập trung, không dàn trải, đảm bảo hiệu quả kinh tế, xã hội;

e) Đảm bảo sự đồng bộ trong thực hiện Chương trình để đạt mục tiêu theo hướng dẫn của cơ quan quản lý Chương trình;

g) Đảm bảo sự phối hợp giữa các cơ quan tham gia Chương trình;

h) Các dự án tại các địa phương thuộc Chương trình phải có quy mô từ dự án nhóm B trở lên và phải xác định rõ cơ cấu nguồn vốn, khả năng huy động, đồng thời các địa phương tham gia thực hiện Chương trình cần phải cam kết đối ứng số vốn cần thiết để đảm bảo quy mô của dự án nhóm B. Đối với dự án của các Bộ, ngành thì tùy theo mức độ cần thiết đầu tư của mỗi cơ quan, không bắt buộc phải có quy mô từ dự án nhóm B trở lên.

(Trừ địa phương được đầu tư Khu công nghiệp thông tin tập trung, Ngân sách trung ương chỉ hỗ trợ thực hiện Chương trình cho các địa phương chưa cân đối được ngân sách);

i) Đối với các địa phương có nhu cầu xây dựng dự án đầu tư Khu công nghệ thông tin tập trung thì phải lập dự án riêng;

k) Trong điều kiện nguồn lực có hạn, báo cáo đề xuất cần sắp xếp thứ tự ưu tiên cũng như lộ trình thực hiện các nội dung đầu tư.

2.2. Đối với đầu tư về ứng dụng công nghệ thông tin

a) Yêu cầu:

- Các dự án đầu tư hạ tầng ứng dụng CNTT ở các Bộ, ngành, địa phương phải tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Phiên bản 1.0 bao gồm: thành phần, mô hình kết nối, chuẩn CNTT bảo đảm đồng bộ, kết nối, liên thông các thành phần trong Kiến trúc Chính phủ điện tử, tránh trùng lặp (chi tiết hướng dẫn tại các Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT ngày 23/12/2013; số 25/2014/TT-BTTTT ngày 30/12/2014, các Công văn số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 và số 2384/BTTTT-THH ngày 28/7/2015 của Bộ TTTT hướng dẫn mẫu Đề cương Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp Bộ, mẫu Đề cương Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh).

- Phải xác định, lượng hóa cụ thể kết quả đạt được về ứng dụng CNTT, như: kết quả đạt được về hạ tầng CNTT, cơ sở dữ liệu và mức độ kết nối liên thông; số lượng và mức độ dịch vụ công trực tuyến sẽ được cung cấp từ kết quả đầu tư; chỉ rõ các phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu và dịch vụ sẽ triển khai dùng chung.

- Cần xác định cụ thể phạm vi, đơn vị thụ hưởng các nội dung đầu tư.

b) Nội dung đầu tư (theo thứ tự ưu tiên như sau):

(i) *Xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp Bộ (đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ); nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp Tỉnh (đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) gọi tắt là LGSP. Bao gồm các thành phần chính:*

- Phần mềm:

+ Phần mềm nền tảng: Là nền tảng chung để kết nối, chia sẻ các hệ thống thông tin quy mô cấp Bộ hoặc tỉnh (tiêu biểu bao gồm các thành phần như: Trục kết nối; hệ thống quản lý quy trình nghiệp vụ; hệ thống xác thực tài khoản trong cơ quan; hệ thống dịch vụ dữ liệu chính; hệ thống quản trị tài nguyên; hệ thống quản trị ứng dụng; Hệ thống giám sát quy trình xử lý nghiệp vụ;...).

+ Phần mềm vận hành: Có mục đích phục vụ công tác vận hành nền tảng kết nối, chia sẻ của Bộ/tỉnh (tiêu biểu gồm các thành phần như: Quản lý tài khoản; quản lý bảng mã điện tử; quản lý phân quyền; quản lý đặc tả dữ liệu; quản lý danh mục dữ liệu người dân, doanh nghiệp, công chức; ...).

- *Các dịch vụ dùng chung:* Có mục đích hỗ trợ phát triển các ứng dụng, bao gồm các thành phần dùng chung cho các ứng dụng mà không phải xây dựng lại (tiêu biểu như: các dịch vụ nền tảng quản lý nội dung; các dịch vụ nền tảng quản lý công việc; các dịch vụ nền tảng quản lý văn bản; các dịch vụ nền tảng xử lý hồ sơ nghiệp vụ; ...).

- *Các ứng dụng dùng chung*: Các Bộ, ngành, địa phương căn cứ hiện trạng và đề xuất của các đơn vị thụ hưởng đề nêu rõ lĩnh vực và tên ứng dụng đề xuất đầu tư mới, sự cần thiết đầu tư, tính khả thi, hiệu quả đầu tư; ưu tiên các ứng dụng dùng chung có phạm vi triển khai rộng, hiệu quả cao đồng thời nêu rõ phương thức đầu tư (không đầu tư cho các dịch vụ dùng chung đã có sẵn trên thị trường).

- *Hạ tầng kỹ thuật*: Máy chủ; thiết bị lưu trữ; thiết bị mạng và đường truyền; các thiết bị an toàn, an ninh thông tin;...

- Huấn luyện, chuyển giao công nghệ và các nội dung đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

* *Lưu ý*: Các cơ quan căn cứ hiện trạng, nhu cầu kết nối, chia sẻ, phát triển các ứng dụng CNTT; xác định rõ các thành phần, chức năng, nhiệm vụ, quy mô phạm vi đầu tư cho mỗi nội dung trên để bảo đảm việc kết nối, chia sẻ, sử dụng 1 các hệ thống thông tin của Bộ/tỉnh đã có, bảo đảm sự đồng bộ, hiệu quả, tránh trùng lặp, lãng phí.

(ii) *Xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử*: cấp Bộ (đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ), cấp tỉnh (đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) như quy định tại Văn bản số 2384/BTTTT-THH ngày 28/7/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn mẫu Đề cương Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp Bộ, mẫu Đề cương Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh.

(iii) *Đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu*:

- Tiêu chí lựa chọn cơ sở dữ liệu (CSDL):

+ Đối với CSDL Quốc gia cần tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục CSDLQG cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử (đề nghị nêu cụ thể tên CSDL, phạm vi, quy mô đầu tư, mục đích khai thác);

+ Đối với CSDL chuyên ngành, người đứng đầu các Bộ, ngành cần quy định danh mục CSDL theo quy định tại Điều 59 Luật Công nghệ thông tin và Điều 12 Nghị định số 64/2007/NĐ-CP để làm cơ sở lựa chọn, triển khai;

+ Đối với nội dung đầu tư CSDL trong phạm vi dự án khả thi của địa phương thì phải trình bày rõ tên, quy mô, khả năng chia sẻ dữ liệu.

- Việc xây dựng CSDL cần thực hiện theo các quy định, hướng dẫn về nguyên tắc xây dựng, quản lý, khai thác, bảo vệ, duy trì tại Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/04/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước; tiêu chuẩn kỹ thuật tại Thông tư 22/2013/TT-BTTTT ngày 23/12/2013 của Bộ TTTT ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước, Công văn số 3788/BTTTT-THH ngày 26/12/2014 của Bộ TTTT hướng dẫn liên thông, trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước;

2.3. Đối với nội dung đầu tư về an toàn thông tin

- Mục tiêu: Đầu tư tăng cường bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động của Bộ, ngành, địa phương.

- Phạm vi hỗ trợ:

+ Đối với nội dung đầu tư về an toàn thông tin tại các Bộ, ngành: các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ về CNTT có thể bố trí vốn để lập dự án riêng hoặc hình thành một hạng mục của dự án đầu tư thực hiện Chương trình;

+ Đối với địa phương: Nội dung đầu tư về an toàn thông tin được lồng ghép chung vào cùng dự án UDCNTT thành một nội dung (hạng mục) đầu tư, trường hợp quy mô, phạm vi nội dung an toàn thông tin lớn cần thành lập dự án riêng địa phương cần thuyết minh cụ thể.

- Nội dung đầu tư:

+ Thiết bị, phần mềm bảo vệ hạ tầng mạng, trung tâm dữ liệu, cổng dịch vụ công trực tuyến;

+ Thiết bị, phần mềm phòng chống tấn công mạng, xử lý phần mềm độc hại;

+ Thiết bị, phần mềm xác thực điện tử, phương tiện, giải pháp ứng cứu sự cố về CNTT,...

+ Huấn luyện, chuyển giao công nghệ và các nội dung đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

* Lưu ý:

+ Trong điều kiện nguồn vốn có hạn đề nghị các địa phương ưu tiên bố trí vốn đầu tư đồng bộ các hạng mục chủ yếu sau: thiết bị tường lửa, IPS/IDS, phần mềm diệt virus, phần mềm giám sát và bảo vệ website, giải pháp xác thực điện tử, ứng cứu sự cố,...;

+ Trong đề xuất thực hiện nội dung về an toàn thông tin đề nghị làm rõ quy mô, phạm vi, đối tượng thụ hưởng kết quả đầu tư;

+ Đối với nội dung đầu tư về an toàn thông tin tại các Bộ, ngành: các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ về CNTT có thể bố trí vốn để lập dự án riêng hoặc hình thành một hạng mục của dự án đầu tư ứng dụng CNTT;

+ Đối với địa phương: Nội dung đầu tư về an toàn thông tin được lồng ghép chung vào cùng dự án UDCNTT như một nội dung (hạng mục) đầu tư, trường hợp quy mô, phạm vi nội dung an toàn thông tin lớn phải lập dự án riêng về an toàn thông tin của địa phương cần thuyết minh cụ thể.

2.4. Đối với dự án đầu tư về Khu Công nghiệp CNTT tập trung

a) Yêu cầu

- Địa phương đầu tư Khu CNTT tập trung phải lập dự án đầu tư riêng.
- Điều kiện lựa chọn, đề xuất: Dự án phát triển khu CNTT được xem xét hỗ trợ từ Chương trình phải đáp ứng được các điều kiện dưới đây:
 - + Dự án đầu tư xây dựng khu phải thuộc Quy hoạch tổng thể phát triển Khu CNTT tập trung đã được phê duyệt hoặc được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương cho phép triển khai thực hiện;
 - + Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng các khu CNTT tập trung đã được công nhận theo quy định của Pháp luật;
 - + Địa phương được thực hiện dự án phải có điều kiện về nhân lực CNTT, vị trí địa lý, kinh tế xã hội phát triển, đáp ứng các điều kiện về thành lập khu CNTT tập trung được quy định tại Điều 9, Nghị định 154/NĐ-CP của Chính phủ; xác định rõ nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư; được cơ quan quản lý Chương trình đề xuất;
 - + Ưu tiên dự án có khả năng thu hút sự quan tâm đầu tư của các nhà đầu tư trong, ngoài nước và các dự án đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng.

b) Các nội dung đầu tư được hỗ trợ từ NSNN: Thực hiện theo quy định tại Điều 25, Nghị định 154/2013/NĐ-CP quy định về khu CNTT tập trung;

Các hỗ trợ về khu CNTT trong phạm vi Chương trình cần xin ý kiến thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông về mặt chuyên môn trước khi phân bổ vốn.

2.5. Đối với dự án phát triển sản phẩm CNTT trọng điểm (do cơ quan trung ương chủ trì thực hiện).

a) Yêu cầu:

Việc đề xuất đầu tư phải phù hợp với quy định tại Phần II của Quyết định 392/QĐ-TTg.

- Đối với sản phẩm phần cứng: ưu tiên các sản phẩm phục vụ an toàn thông tin, sản phẩm vi mạch, điện tử, bán dẫn;
- Đối với sản phẩm nội dung số: ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế- xã hội;
- Đối với sản phẩm phần mềm: hỗ trợ hoàn thiện, chuẩn hóa các sản phẩm phần mềm nền tảng, có tiềm năng ứng dụng rộng rãi trong xã hội (bao gồm phần mềm nguồn mở, phần mềm ứng dụng trên mạng Internet).

b) Điều kiện lựa chọn sản phẩm được đầu tư:

- Sản phẩm cần thiết chưa có trên thị trường hoặc sản phẩm được đầu tư với mục tiêu thay thế sản phẩm nhập khẩu, giảm nhập khẩu;
- Sản phẩm được đầu tư để khắc phục tình trạng độc quyền trên thị trường;
- Sản phẩm có tính đột phá, hiệu quả kinh tế xã hội cao;
- Sản phẩm được phát triển bởi tổ chức, doanh nghiệp nội địa;

- Sản phẩm được nghiên cứu, phát triển đến bước có sản phẩm mẫu.

c) Nội dung hỗ trợ đầu tư:

- Mua/thuê công cụ phát triển, bản quyền, hạ tầng để nhân rộng;
- Nâng cao chất lượng nghiên cứu, phát triển, hoàn thiện nội dung đối với sản phẩm nội dung số;
- Thử nghiệm thực tế;
- Hỗ trợ đăng ký bản quyền, công bố;
- Hỗ trợ quảng bá;
- Chuẩn hóa quy trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ;
- Đào tạo, chuyển giao, cập nhật công nghệ;
- Phát triển cơ sở dữ liệu nghiệp vụ để nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ.

3. Về xác định tiến độ thực hiện dự án

- Cần xây dựng lộ trình thực hiện dự án trên cơ sở khả năng huy động nguồn vốn thực hiện dự án;
- Nêu thứ tự ưu tiên thực hiện các nội dung đầu tư để phát huy sớm kết quả đầu tư, tránh lãng phí.

4. Về xác định tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn và phương án huy động vốn:

4.1. Tổng mức đầu tư dự án phải đảm bảo qui mô dự án nhóm B và đáp ứng thực hiện các mục tiêu nêu trong dự án trên cơ sở tiết kiệm, khai thác triệt để các kết quả đã đầu tư trong thời gian qua.

4.2. Trong tổng mức đầu tư phải làm rõ cơ cấu nguồn vốn:

- Vốn đầu tư từ NSTW cho Chương trình;
- Vốn huy động tại các Bộ, ngành, địa phương:

+ Làm rõ từng nguồn vốn cụ thể: Trong đó cần làm rõ vốn đầu tư từ Ngân sách của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương bố trí. Đề nghị các địa phương bố trí vốn đối ứng đối với dự án địa phương làm chủ đầu tư (bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp) để đủ quy mô dự án Nhóm B;

+ Làm rõ nội dung đầu tư sử dụng từ nguồn vốn huy động tại Bộ, ngành, địa phương ngoài kinh phí được bố trí từ ngân sách trung ương để thực hiện dự án;

+ Phân tích, làm rõ tính khả thi về huy động vốn tại các Bộ, ngành; tiến độ huy động phù hợp với tiến độ thực hiện các mục tiêu đầu tư; đảm bảo yêu cầu đầu tư đồng bộ để có thể khai thác, phát huy hiệu quả đầu tư kịp thời.

* Lưu ý:

- Đối với đầu tư cho khu công nghiệp thông tin tập trung, cần làm rõ khả năng huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp, vốn NSDP và các nguồn vốn khác.

- Đối với phát triển các sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm cần làm rõ khả năng huy động vốn ngoài vốn NSTW đầu tư cho chương trình.

Trong điều kiện vốn NSTW đầu tư cho Chương trình hạn chế, các chủ đầu tư dự án cần khai thác tối đa các nguồn vốn tại địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

5. Về đảm bảo chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác dự án

Cần phân tích phương án tổ chức vận hành khai thác kết quả đầu tư, dự kiến các khoản chi phí và nguồn kinh phí để vận hành, bảo dưỡng, duy tu sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác dự án.

III. HƯỚNG DẪN ĐỀ XUẤT SỬ DỤNG VỐN SỰ NGHIỆP TỪ NSTW THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Căn cứ nội dung mục tiêu, nội dung của Chương trình ngoài những đề xuất về đầu tư, các đơn vị lập đề xuất sử dụng nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện Chương trình, cụ thể:

1. Về nội dung chi từ nguồn vốn sự nghiệp chỉ đề xuất sử dụng cho các nội dung sau:

- Chuyển đổi, chuẩn hóa dữ liệu;
- Thuê dịch vụ công nghệ thông tin thuộc dự án của Chương trình;
- Xây dựng, duy trì kiến trúc Chính phủ điện tử các cấp; xây dựng, công bố mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, yêu cầu về chức năng, tính năng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin;...
- Chuẩn hóa quy trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ;
- Các hoạt động mang tính sự nghiệp khác thực hiện mục tiêu, nội dung của Chương trình

2. Căn cứ xây dựng đề xuất:

- Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;
- Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính Hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước;
- Quyết định số 1595/QĐ-TTTT ngày 03/10/2011 của Bộ TTTT v/v công bố định mức tạo lập CSDL trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và các định mức tạo lập CSDL chuyên ngành khác.

(Đề xuất chi tiết sử dụng vốn sự nghiệp thực hiện mục tiêu của Chương trình thuyết minh chi tiết tại Phụ lục số 3 kèm theo).

Phu lục 2

ĐỀ CƯƠNG ĐỀ XUẤT DỰ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm Công văn số /BT-TT-KHTC ngày tháng 7 năm 2016 của Bộ TT-TT)

Để đảm bảo có đầy đủ các thông tin phục vụ quá trình xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình theo quy định tại điểm đ, e khoản 1 Điều 47 của Luật Đầu tư công, Bộ TT-TT đề nghị Quý cơ quan xây dựng Báo cáo đề xuất từng dự án thực hiện Chương trình với các nội dung chủ yếu sau:

1. Bối cảnh và sự cần thiết đầu tư dự án

1.1. Thực trạng ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin

- Đánh giá thực trạng, kết quả đầu tư ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin giai đoạn 2011-2015;

- Phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong đầu tư ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin tại Bộ, ngành, địa phương và đề xuất các biện pháp khắc phục.

1.2. Sự cần thiết đầu tư dự án

- Nêu rõ lĩnh vực hoạt động của các cơ quan sẽ thuộc phạm vi đầu tư dự án (chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm hoạt động); tình hình hoạt động và vai trò của công nghệ thông tin trong phát triển kinh tế - xã hội và trong công tác quản lý, điều hành phù hợp với đặc thù từng lĩnh vực hoạt động và của mỗi đơn vị.

- Đối với các cơ quan hành chính nhà nước, cần nêu rõ vai trò, ý nghĩa và sự cần thiết phải đầu tư dự án để phát triển Chính phủ điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến,...

- Đối với các dự án về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, cần đánh giá hiện trạng phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, bao gồm phát triển các sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm để làm rõ sự cần thiết đầu tư.

2. Đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, địa phương

Đánh giá sự phù hợp của dự án thực hiện Chương trình với quy hoạch, chiến lược, kế hoạch đầu tư ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin của Bộ ngành, địa phương đến 2020.

3. Phân tích, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đầu ra của dự án; phân tích, lựa chọn quy mô hợp lý; xác định phân kỳ đầu tư; lựa chọn hình thức đầu tư

Trong phần này báo cáo cần nêu rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và sự phù hợp của mục tiêu, kết quả của dự án đối với mục tiêu của Chương trình mục tiêu về công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020 cho 04 lĩnh vực:

- Mục tiêu về xây dựng nền tảng kết nối, chia sẻ;
- Khung chính quyền điện tử cấp tỉnh (được cấp thẩm quyền phê duyệt);
- Mục tiêu cụ thể về CSDL, hệ thống thông tin;
- Mục tiêu cụ thể về ATTT;

Ngoài ra, đề nghị nêu rõ các đề xuất giải pháp về cơ chế, chính sách hỗ trợ của Bộ, ngành, địa phương cho việc đảm bảo thực hiện các mục tiêu trên.

4. Phân tích các điều kiện kinh tế - kỹ thuật, lựa chọn địa điểm đầu tư

a) Tình hình hạ tầng thông tin, hệ thống thông tin đã đầu tư và cơ sở dữ liệu đã thiết lập, khả năng kết nối, tổ chức quản lý đảm bảo tính liên thông giữa các hệ thống thông tin trong và ngoài đơn vị; liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia; việc duy trì hoạt động của các hệ thống này; hiệu quả đã đạt được trong thời gian qua và nhu cầu đầu tư phát triển trong thời gian tới;

b) Tình hình thực hiện các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin cho trung tâm dữ liệu, các hệ thống thông tin cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công phục vụ người dân và doanh nghiệp;

c) Tình hình tổ chức, nhân lực và cơ chế quản lý trong hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin;

d) Đối với các dự án đầu tư về khu công nghiệp công nghệ thông tin: cần làm rõ về hiện trạng pháp lý của khu CNTT đề xuất đầu tư (về quy hoạch, hiện trạng về đầu tư, hạ tầng, tiến độ, nguồn vốn,...);

đ) Đối với các dự án đầu tư phát triển sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm: cần trình bày rõ hiện trạng nghiên cứu, đầu tư, sản xuất các loại sản phẩm công nghệ thông tin ở Việt Nam để làm rõ sự cần thiết đầu tư trong thời gian tới.

5. Phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị

Việc lựa chọn Phương án phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị đối với từng mục tiêu, nội dung đầu tư phải phù hợp với các quy định của cơ quan có thẩm quyền và thực tiễn của Bộ, ngành, địa phương, đảm bảo thực hiện mục tiêu của Chương trình.

6. Phương án tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng dự án (bao gồm làm rõ chi phí và nguồn kinh phí thực hiện)

7. Đánh giá tác động môi trường và giải pháp bảo vệ môi trường (nếu có)

8. Phương án tổng thể đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư (trường hợp dự án đầu tư về khu công nghiệp công nghệ thông tin nếu có).

9. Dự kiến thời gian và tiến độ thực hiện dự án (bao gồm làm rõ sự phù hợp của tiến độ thực hiện dự án với khả năng huy động các nguồn lực).

10. Dự kiến tổng mức vốn thực hiện Chương trình:

Xác định tổng mức vốn theo mục tiêu, thời gian thực hiện và thuyết minh rõ việc sử dụng các nguồn vốn để thực hiện các nội dung đầu tư theo lộ trình đến năm 2020, nguồn vốn (bao gồm vốn đối ứng của địa phương và các nguồn vốn huy động từ xã hội khác) và phương án huy động vốn, bao gồm:

10.1. Vốn đầu tư phát triển:

a) Vốn đầu tư của Ngân sách nhà nước:

- Từ Ngân sách Trung ương:

- Từ Ngân sách địa phương:

b) Vốn đầu tư của doanh nghiệp:

c) Các nguồn vốn hợp pháp khác:

10.2. Vốn sự nghiệp:

a) Vốn sự nghiệp của Ngân sách Trung ương

b) Vốn sự nghiệp của Ngân sách địa phương.

11. Xác định chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác dự án

12. Tổ chức quản lý dự án, bao gồm xác định chủ đầu tư, phân tích lựa chọn hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án, mối quan hệ và trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến quá trình thực hiện dự án, tổ chức bộ máy quản lý khai thác dự án

13. Phân tích hiệu quả đầu tư, bao gồm hiệu quả và tác động kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, khả năng thu hồi vốn đầu tư (nếu có).

14. Kết quả thẩm định nguồn vốn (nếu có)

Ghi rõ tình trạng thẩm định nguồn vốn.

15. Danh mục các dự án ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin giai đoạn 2016 – 2020

** Đối với các Bộ và cơ quan trung ương:* Liệt kê các dự án CNTT giai đoạn 2016 - 2020 như trên, sử dụng các nguồn vốn khác nhau như: vốn ngành CNTT, vốn ODA, nguồn thu để lại...

** Đối với các địa phương:* Bao gồm tất cả các dự án CNTT từ cấp huyện tới các sở ban ngành của tỉnh; Chỉ liệt kê các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư (đối với các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 – 2015 và các dự án đã bố trí vốn thực hiện năm 2016) trong giai đoạn 2016 - 2020 của cấp có thẩm quyền.

S T T	Tên dự án	Tổng mức vốn thực hiện Chương trình							Dự kiến tiến độ thực hiện				Mục tiêu/phạm vi	Nội dung	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng số	Vốn đầu tư		Vốn sự nghiệp		Vốn Doanh nghiệp	Các nguồn vốn hợp pháp khác	2017	2018	2019	2020				
			NSTW	NSĐP	NSTW	NSĐP										
A	Dự án sử dụng vốn từ NSTW															
I	Dự án đề xuất sử dụng vốn CTMT về CNTT															
1	Dự án															
...																
II	Dự án sử dụng vốn từ NSTW của Chương trình khác (nếu có)															
1	Dự án															
...																
B	Dự án sử dụng vốn từ NSĐP hoặc vốn khác															

**Phụ lục 3: Chi tiết đề xuất kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu về
Công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020**
(Kèm Công văn số /BT/TTT-KHTC ngày tháng 7 năm 2016 của Bộ TTTT)

STT	Danh mục dự án	Mục tiêu	Nội dung chi	Khối lượng nhiệm vụ thực hiện	Phương thức thực hiện	Nhu cầu kinh phí	Đề xuất kinh phí thực hiện các năm			
							2017	2018	2019	2020
1	...									
2										
3										
4										
...										
	Tổng số									

(Ghi chú: đề nghị nêu rõ phương thức thực hiện là thuê dịch vụ, tự thực hiện hay hình thức khác....)

Thuyết minh chi tiết các nội dung đề xuất:

1.

2.

...